

Số: 40/QĐ-SGDĐT

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 01 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021  
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng

### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 20/TB-STC ngày 05/01/2021 thông báo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và các Phòng, Ban liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: Huynh

- Sở Tài chính;
- Các Phòng, Ban Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hồng Hải

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG 422**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 40/QĐ-SGDĐT, ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Tổng số
<b>I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, khác</b>	<b>0</b>
<b>1. Số thu phí, lệ phí, khác</b>	<b>0</b>
- Học phí	0
- Hoạt động sự nghiệp và dịch vụ	0
<b>2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, khác được để lại</b>	<b>0</b>
- Học phí	
Trong đó, trích 40% để thực hiện cải cách tiền lương	
- Hoạt động sự nghiệp và dịch vụ	
Trong đó, trích 40% để thực hiện cải cách tiền lương	0
<b>3. Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>111.689.414</b>
<b>II. Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>104.690.000</b>
<b>1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	<b>0</b>
1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	104.690.000
1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	
- Phục vụ thi tốt nghiệp THPT, thi nghề phổ thông và tuyển sinh; Tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia	9.000.000
- Hoạt động chuyên môn nghiệp vụ các ngành học, bậc học; tạp chí, văn thể mỹ, thể dục thể thao, Thi đua, khen thưởng; thông tin, tuyên truyền	13.050.000
- Đầu tư và duy trì trường chuẩn, duy trì trường chuẩn và mua sắm trang thiết bị dạy học	49.185.000
- Tăng tỷ lệ huy động trẻ, nhà trẻ đến trường, củng cố nâng cao chất lượng phổ cập GD trẻ 5 tuổi; tiến tới phổ cập cho trẻ em mẫu giáo 4 tuổi	22.500.000
- Đề án dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân	5.440.000
- Biên soạn tài liệu giáo dục địa phương từ lớp 2 đến lớp 12	2.880.000
- Kinh phí hoạt động tổ công tác dự án QIPEDC	135.000
- Kinh phí đào tạo sinh viên Lào và biệt phái giáo viên sang Lào	2.500.000
<b>2. Quản lý hành chính</b>	<b>6.999.414</b>
2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	6.999.414
Trong đó: - Quỹ tiền lương	5.591.000
- Chi thường xuyên, trong đó:	1.408.414
+ Chi thường xuyên	1.296.000
+ Quỹ lương hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	67.000
+ Kinh phí hoạt động cơ sở Đảng	45.414
2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
Trong đó: kinh phí 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	0
<b>3. Nghiên cứu khoa học</b>	